ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 01b/TTKHVU

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2021 - KỲ BÁO CÁO 6 THÁNG
(Kèm theo Báo cáo số 2051/BC-UBND ngày 23 /4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Nhóm dự án (A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch			Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021							Lũy kế giá trị khối lượng đã thi công tính từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021	Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 4/2021			Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 6/2021			Tình hình triển khai thực hiện dự án				
				Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm	Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Giai đoạn lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư[1]	Giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư [2]	Tiến độ giải phóng mặt bằng [3]	Giai đoạn lựa chọn nhà thầu [4]	Tình hình triển khai thực hiện các gói thầu
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm					
									Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi												
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15	16=17+18	17	18	19=20+21	20	21	22	23	24	25	26
	TỔNG SỐ																								
	Vốn trong nước																								
	Vốn nước ngoài, trong đó:																								
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																								
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																								
I	**Vốn NSNN**																								
	Vốn trong nước																								
	Vốn nước ngoài, trong đó:																								
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																								
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																								
1	**Vốn cân đối ngân sách địa phương** (bao gồm cả cấp tỉnh, cấp huyện)			**106.916**	**11.232**	**95.684**	**11.984**	**6.977**	**5.087**	**1.890**	**5.007**	**1.212**	**3.795**	**-**	**13.014**	**6.977**	**6.037**	**48.582**	**11.232**	**37.350**					
	NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ NS HUYỆN			**71.632**	**11.232**	**60.400**	**10.822**	**6.977**	**5.087**	**1.890**	**3.845**	**465**	**3.380**	**-**	**11.852**	**6.977**	**4.875**	**28.832**	**11.232**	**17.600**					
I	**XDCB TẬP TRUNG**			**17.932**	**10.932**	**7.000**	**6.977**	**6.977**	**5.087**	**1.890**	**-**	**-**	**-**	**-**	**6.977**	**6.977**	**-**	**15.432**	**10.932**	**4.500**					
	Hạ tầng kỹ thuật đối với các cụm dân cư						-																		
a	**Dự án xây dựng mới**						-																		
1	CDC Trung Tâm xã Thạnh Lợi	C	7876400	4.000		4.000	-											2500		2500				x	
2	CDC Gò Tháp mở rộng	C	7876395	3.000		3.000	-											2000		2000				x	
3	Đường bờ Đông kênh Cái Bèo	C	7841763	10.632	10.632		6.977	6977	5087	1890					6977	6977		10.632	10.632						

STT	Nội dung	Nhóm dự án (A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch			Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021							Lũy kế giá trị khối lượng đã thi công tính từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021	Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 4/2021			Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 6/2021			Tình hình triển khai thực hiện dự án				
				Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm	Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Giai đoạn lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư[1]	Giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư [2]	Tiến độ giải phóng mặt bằng [3]	Giai đoạn lựa chọn nhà thầu [4]	Tình hình triển khai thực hiện các gói thầu
								Tổng số	Trong đó			Trong đó				Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm						
									Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi												
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15	16=17+18	17	18	19=20+21	20	21	22	23	24	25	26
3	- Đường bờ nam kênh Tư Mới (Thị trấn Mỹ An - ranh Tiền Giang)	C	7841763	300	300		-											300	300						
II	**XỔ SỐ KIẾN THIẾT**			**53.700**	**300**	**53.400**	**3.845**	**-**	**-**	**-**	**3.845**	**465**	**3.380**	**-**	**4.875**	**-**	**4.875**	**13.400**	**300**	**13.100**					
a	**Dự án xây dựng mới**						-																		
	Giao thông						-																		
1	Cầu kênh Nguyễn Văn Tiếp A (Chợ Mỹ Quí)	C	7876392	15.000		15.000	-											600		600			x		
	Đường bờ đông kênh K27 (từ khu di tích Gò Tháp - ĐT 846)	C	7678074	300	300		-											300	300						
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						-																		
2	Trường Mầm non Tháp Mười (giai đoạn 2)	C	7842807	5.200		5.200	1.875				1.875	275	1.600		1.875		1.875	4500		4500					Thi công xong phần móng, đạt 40%
3	Trường Tiểu học Đốc Binh Kiều 3 (điểm kênh Cái)	C	7842802	3.500		3.500	1.971				1.971	191	1.780		3.000		3.000	3000		3000					Thi công xong phần móng, đạt 40%
4	Trường Mầm non Đốc Binh Kiều 2	C	7876401	8.700		8.700	-											3000		3000				x	
5	Trường Tiểu học Phú Điền 1	C	7876397	10.000		10.000	-											1000		1000				x	
6	Trường TH - THCS Thanh Mỹ (phần TH)	C	7876396	11.000		11.000	-											1000		1000				x	
	NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO HUYỆN QUẢN LÝ			**35284**		**35.284**	**1.162**	**-**	**-**	**-**	**1.162**	**747**	**415**	**-**	**1.162**	**-**	**1.162**	**19.750**	**0**	**19.750**					
I	**Công trình chuyển tiếp**			**4.925**		**4.925**	**1.162**	**-**	**-**	**-**	**1.162**	**747**	**415**	**-**	**1.162**	**-**	**1.162**	**4.925**	**-**	**4.925**					
1	Trung tâm văn hóa hoạc tập cộng đồng Trường Xuân	C	7788627	3.525		3.525	**747**				747	747			747		747	3.525		3.525					Đến mái, đạt 80%
2	Trường Mần non Tháp Mười		7782306	1.400		1.400	**415**				415		415		415		415	1.400		1.400					Thi công hạng mục phụ, đạt 40%

STT	Nội dung	Nhóm dự án (A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch			Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021							Lũy kế giá trị khối lượng đã thi công tính từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021	Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 4/2021			Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 6/2021			Tình hình triển khai thực hiện dự án				
				Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm	Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Giai đoạn lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư[1]	Giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư [2]	Tiến độ giải phóng mặt bằng [3]	Giai đoạn lựa chọn nhà thầu [4]	Tình hình triển khai thực hiện các gói thầu
								Tổng số	Trong đó			Trong đó				Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm					
									Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi											
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15	16=17+18	17	18	19=20+21	20	21	22	23	24	25	26
II	**Dự án khởi công mới**			**30.359**		**30.359**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**14.825**	**-**	**14.825**					
	Quản lý nhà nước			**6.500**		**6.500**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3.110**	**-**	**3.110**					
1	Sửa chữa trụ sở UBND xã Phú Điền		7888737	1.200		1.200	-											-		-					
2	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở QS Trường Xuân, CA-QS Tân Kiều, QS Mỹ Hòa		7888739	700		700	-											455		455					Ký HĐ thi công
3	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở QS Đốc Binh Kiều, CA-QS Mỹ Đông		7888740	850		850	-											553		553					Ký HĐ thi công
4	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở QS Láng Biển, QS Thanh Mỹ		7888741	850		850	-											553		553					Ký HĐ thi công
5	Hàng rào - nhà xe TT VHHTCĐ xã Thanh Mỹ		7886972	800		800	-											520		520					Ký HĐ thi công
6	Hàng rào TT VHHTCĐ xã Mỹ Đông		7888742	200		200	-											130		130					Ký HĐ thi công
7	Cải tạo hội trường B, trụ sở HĐND và khuôn viên UBND huyện		7888743	1.000		1.000	-											300		300				x	
8	Sửa chữa Trụ sở Huyện Ủy		7888738	900		900	-											600		600				x	
	Ngành Giáo dục và Đào tạo			**4.000**		**4.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.658**	**-**	**2.658**					
9	Cải tạo sửa chữa trường tiểu học Hưng Thạnh 2 (điểm phụ)		7792352	82		82	-											82		82					Hoàn thành
10	Cải tạo sửa chữa trường tiểu học Tân Kiều 1 (điểm chính)		7814600	83		83	-											83		83					Hoàn thành
11	Cải tạo sửa chữa trường TH Trường Xuân 1 (điểm lẻ)		7886970	350		350	-											228		228					Ký HĐ thi công
12	Cải tạo sửa chữa trường TH Phú Điền 1 (điểm chính)		7886969	990		990	-											644		644					Ký HĐ thi công
13	Cải tạo sửa chữa trường TH và THCS Láng Biển (điểm chính)		7888735	890		890	-											579		579					Ký HĐ thi công

STT	Nội dung	Nhóm dự án (A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch			Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021							Lũy kế giá trị khối lượng đã thi công tính từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021	Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 4/2021			Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 6/2021			Tình hình triển khai thực hiện dự án				
				Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm	Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Giai đoạn lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư[1]	Giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư [2]	Tiến độ giải phóng mặt bằng [3]	Giai đoạn lựa chọn nhà thầu [4]	Tình hình triển khai thực hiện các gói thầu
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm					
									Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi												
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15	16=17+18	17	18	19=20+21	20	21	22	23	24	25	26
14	Cải tạo sửa chữa Trường Mầm non Hưng Thạnh (điểm chính)		7888736	943		943	-											613		613					Ký HĐ thi công
15	Cải tạo sửa chữa trường mầm non Thanh Mỹ 2 (điểm chính)			662		662	-											430		430					Ký HĐ thi công
	Công nghiệp - Điện			**2.000**		**2.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.348**	**-**	**1.348**					
16	Lưới hạ thế tuyến bờ nam kênh Bảy Thước (từ ĐT 850 - kênh Láng Biển)		7886973	185		185	-											185		185					Hoàn thành
17	Lưới hạ thế tuyến bờ đông kênh Láng Biển (từ kênh 7 Thước - kênh K3)		7886974	186		186	-											186		186					Hoàn thành
18	Lưới trung thế 3P-22KV bờ nam kênh Nguyễn Văn Tiếp A (từ kênh Xáng - nhà máy Hữu Đức)		7888749	200		200	-											120		120					Ký HĐ thi công
19	Lưới hạ thế tuyến bờ bắc kênh liên 8 (từ ranh thị trấn Mỹ An - kênh Trâm Bầu)		7869034	365		365	-											219		219					Ký HĐ thi công
20	Lưới hạ thế tuyến bờ bắc kênh Tư Cũ (từ nhà ông Sơn - kênh Từ Bi)		7869033	215		215	-											129		129					Ký HĐ thi công
21	Lưới hạ thế đường bờ đông kênh Hợp Tác Xã (từ Nguyễn Văn Tiếp - kênh Bảy Thước)		7883266	849		849	-											509		509					Ký HĐ thi công
	Hạ tầng			**7.000**		**7.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3.500**	**-**	**3.500**					
22	Nâng cấp hạ tầng khu hành chánh dân cư		7888730	7.000		7.000	-											3.500		3.500				x	
	Đối ứng các công trình Tỉnh hỗ trợ vốn đầu tư			**9.150**		**9.150**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.500**	**-**	**2.500**					

STT	Nội dung	Nhóm dự án (A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch			Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021							Lũy kế giá trị khối lượng đã thi công tính từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021	Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 4/2021			Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 6/2021			Tình hình triển khai thực hiện dự án				
				Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm	Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Giai đoạn lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư[1]	Giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư [2]	Tiến độ giải phóng mặt bằng [3]	Giai đoạn lựa chọn nhà thầu [4]	Tình hình triển khai thực hiện các gói thầu
								Tổng số	Trong đó			Trong đó				Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm					
									Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi											
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15	16=17+18	17	18	19=20+21	20	21	22	23	24	25	26
23	Hệ thống giao thông gắn với xây dựng NTM trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Tháp Mười		7788033	9.150		9.150	-											2.500		2.500					Thi công đạt 90%
	Văn hóa, thông tin.			**1.210**		**1.210**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.210**	**-**	**1.210**					
24	Cổng chào ĐT 844 ranh Tam Nông		7888744	240		240	-											240		240					Ký HĐ thi công
25	Cổng chào ĐT 846 Đốc Binh Kiều ranh Tiền Giang		7888745	240		240	-											240		240					Ký HĐ thi công
26	Cổng chào ĐT 844 ranh Long An		7888746	240		240	-											240		240					Ký HĐ thi công
27	Cổng chào ĐT 850 Láng Biển ranh Cao Lãnh		7888747	240		240	-											240		240					Ký HĐ thi công
28	Cổng chào đường HCM ranh Cao Lãnh		7888748	250		250	-											250		250					Ký HĐ thi công
	Thanh toán tất toán các công trình hoàn thành			499		**499**	**-**											**499**		**499**					
	…..																								
1.2	Ngành, lĩnh vực																								
(1)	Dự án..																								
	…..																								
2	**Vốn ngân sách trung ương**																								
	Vốn trong nước																								
	Vốn nước ngoài, trong đó:																								
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																								
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																								
2.1	**Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực**																								
a	**Vốn trong nước**																								

STT	Nội dung	Nhóm dự án (A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch			Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021							Lũy kế giá trị khối lượng đã thi công tính từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021	Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 4/2021			Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 6/2021			Tình hình triển khai thực hiện dự án				
				Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm	Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Giai đoạn lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư[1]	Giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư [2]	Tiến độ giải phóng mặt bằng [3]	Giai đoạn lựa chọn nhà thầu [4]	Tình hình triển khai thực hiện các gói thầu
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm					
									Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi												
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15	16=17+18	17	18	19=20+21	20	21	22	23	24	25	26
	- Ngành, lĩnh vực..																								
	Dự án..																								
b	**Vốn nước ngoài**																								
(1)	Theo cơ chế ghi thu, ghi chi																								
	- Ngành, lĩnh vực ..																								
	Dự án...																								
(2)	Theo cơ chế tài chính trong nước																								
	- Ngành, lĩnh vực																								
	Dự án..																								
2.2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**																								
	Vốn trong nước																								
	Vốn nước ngoài, trong đó:																								
	- Theo Cơ chế ghi thu ghi chi																								
	- Theo Cơ chế tài chính trong nước																								
a	**Chương trình MTQG xây dựng NTM**																								
	Vốn trong nước																								
	Vốn nước ngoài, trong đó																								
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																								
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																								
b	**Chương trình MTQG giảm nghèo và an sinh XH bền vững**																								
2.3	**Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao**																								
	Nguồn vốn																								
	Dự án...																								

STT	Nội dung	Nhóm dự án (A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch			Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021							Lũy kế giá trị khối lượng đã thi công tính từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021	Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 4/2021			Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 6/2021			Tình hình triển khai thực hiện dự án				
				Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm	Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Giai đoạn lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư[1]	Giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư [2]	Tiến độ giải phóng mặt bằng [3]	Giai đoạn lựa chọn nhà thầu [4]	Tình hình triển khai thực hiện các gói thầu
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm					
									Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi											
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15	16=17+18	17	18	19=20+21	20	21	22	23	24	25	26
II	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**																								
	- Nguồn phí được để lại theo quy định của pháp luật (nếu có)																								
	- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công (không bao gồm nguồn NSNN, nguồn phí)																								
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp																								
	- Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)																								

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 01c/TTKHVU

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN KẾ HOẠCH ỨNG TRƯỚC – KỲ BÁO CÁO 6 THÁNG

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch ứng trước			Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2021							Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 4/2021			Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 6/2021		
				Tổng số	Vốn kế hoạch ứng trước được kéo dài thời hạn thanh toán sang	Vốn kế hoạch ứng trước được giao trong năm báo cáo	Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước kéo			Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước trong năm		Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước trong năm
									Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi						
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17	18=19+20	19	20
	TỔNG SỐ																		
1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực																		
	Dự án...																		
	Dự án….																		
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																		
	Chương trình...																		
	Chương trình...																		

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 01d/TTKHVU

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ỨNG CHƯA THU HỒI – KỲ BÁO CÁO 6 THÁNG
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã Số dự án đầu tư	Lũy kế vốn ứng trước chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm báo cáo		Kế hoạch ứng trước được kéo dài thời hạn thanh toán sang năm báo cáo		Thu hồi vốn ứng trước trong năm báo cáo		Vốn ứng trước trong năm báo cáo	
				Vốn kế hoạch ứng trước chưa thu hồi	Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm trước năm báo cáo	Vốn kế hoạch ứng trước	Số vốn ước thanh toán đến hết 6 tháng	Vốn kế hoạch bố trí thu hồi	Số thu hồi trong 6 tháng	Vốn kế hoạch ứng trước	Số vốn ước thanh toán đến hết 6 tháng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ										
1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực										
	Dự án...										
	Dự án ...										
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia										
	Chương trình..										
	Chương trình..										

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)